Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

LIBRARY

Xin dùng SẢN PHẨM do VIỆT-TÂN HÓA PHẨM CÔNG TY SẢN XUẤT
Hiệu BẠCH-HOA
BỘT GIẶT (DÉTERGENT)
THUỐC GỘI ĐẦU
BỘT RỬA SẠCH
XÀ BÔNG "ÉPONGE" THƠM
HÀNG VẢI CÁC LOẠI ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÔNG GẦU KHÔNG NGỨA
CHÉN DĨA SẠCH BÓNG
DỤNG CỤ NHÀ BẾP NHÀ TẮM SÁNG NHƯ MỚI.
TỔNG PHÁT HÀNH SANH-XƯƠNG 98, LÊ-QUANG-LIÊM CHOLON Đ.T.: 37096
XƯỞNG: 415, LỤC-TỈNH CHOLON

同奈文集

Thơ từ và bài vở, xin đề : Ông An Cư
393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo
SAIGON

Giá nhứt định : 20$

Librairie KHAI-TRI
62, Rd. Lê-Lợi, SAIGON

Wason
AP95
V6D678

nguyệt-san ĐỒNG-NAI Văn-Tập

năm thứ ba chủ nhiệm kiêm chủ bút : an cư quyển 19

hồ đắc thăng

MỘT LỐI VIẾT TIỂU THUYẾT

hay **tây phương thường hiểu đông phương như thế nào**

Bộ mới : số 8
15 tháng 6 và tháng 7
năm 1968

Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Bài vở đều qua sự chọn lọc

của ông AN-CƯ

giảng viên Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm Cần thơ

— Giấy phép số 3974 TBTTCH/BC 1 đề ngày 11-9-1967

KỲ TỚI (SỐ 20):

An Cư, Huỳnh Phú Hiệp và Lê Duy Tâm

cho lên **màn đại vĩ tuyến**

bộ mặt thật của đế quốc Mỹ

nguyệt-san Đồng-Nai Văn-Tập

CHÀNH CÂY **PHÙNG HÍA**

187-189, đường Nguyễn Trãi (Chợlớn)

— Bán đủ kích thước **ván**
và **đòn tay cất nhà**

— Có đủ loại gỗ
DẦU, SAO, BẰNG LĂNG
MUA BÁN THIỆT THÀ VÀ ĐỨNG ĐẮN

nguyệt-san **ĐỒNG-NAI** *Văn-Tập*

năm thứ ba **PHÁT HUY VĂN HÓA DÂN TỘC** *quyển* **19**

chủ nhiệm kiêm chủ bút : **an cư**

TRONG TẬP 19 :

Số trang

3	*một lối viết tiểu thuyết*	*hồ đắc thăng*
27	*nếu yêu nước thực sự...*	*an cư*
31	*lá thư Washington*	*lê duy tâm*

Xin lưu ý :
gác lại một kỳ bài « Về quê tìm cổ tích » *sơn nam*

Bộ mới : số 8

Xuất bản mỗi tháng vào ngày 15

Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Nhà Hàng

KIM-LONG

51-53, đại lộ Tổng-đốc Phương (CHỢ-LỚN)

Điện-thoại : số 37.389

15 NĂM NỔI TIẾNG VỀ THỰC-ĐƠN QUẢNG-ĐÔNG

— Lãnh tiệc đám cưới

— Phòng sạch-sẽ, rộng-rãi

— Tiếp-đãi lịch-sự, châu-đáo.

TIỆM TƯƠNG **TỨ HÒA**

93, đường Chu văn An (Chợlớn)

⊙ Có bán sỉ và lẻ đủ thứ nước tương, chao, tương ớt, củ kiệu hảo hạng

MỘT LỐI VIẾT TIỂU-THUYẾT

(hay TÂY-PHƯƠNG THƯỜNG HIỂU ĐÔNG-PHƯƠNG NHƯ THẾ NÀO)

● *bài của* HỒ ĐẮC THĂNG

Nhớ lại vào năm 1942, một hôm tôi nhận được thiệp mời đến nghe một buổi diễn-thuyết tại hội-quán của một câu-lạc-bộ văn-hóa Pháp, lúc bấy giờ tạm đặt tại phòng nhóm của ngân-hàng Créditana, hiện nay là Việt-Nam ngân-hàng. Diễn-giả là ông M., một người Pháp có chút tài văn-chương. Đề-tài của buổi nói chuyện chính là đề-tài của một quyển tiểu-thuyết xã-hội nhan đề : « *L'or des paillottes* » cũng do tay diễn-giả soạn ra. Dụng ý của ông M. có lẽ là muốn quảng-cáo cuốn tiểu-thuyết của ông, bởi thế nên ông cho người đến nghe được tự do tranh luận, cốt để gây phần hào hứng làm cho báo chí có dịp nói đến tác-phẩm của ông. Ông thành công hay không, đó là một chuyện khác. Riêng tôi, thú thật rằng đến nghe là để nghe vậy thôi, chớ không có ý tranh luận gì cả. Vả, tôi không thích tranh luận trong những trường-hợp có quảng-cáo cho một món hàng hay tuyên-truyền cho một ý-thức, bởi vì quảng-cáo và tuyên-truyền bao giờ cũng thiếu ngay thật. Thế mà, sau khi nghe ông M. trình bày suốt hai tiếng đồng hồ và khi đến phần tranh luận, tôi không nín im được, lại có nhiều bạn thúc xúi, tôi đứng lên xin cãi lại. Cãi là đúng hơn, chớ không phải tranh luận vì tranh luận là lý lẽ đấu lý lẽ.

Trong suốt quyển tiểu-thuyết của ông M. mà tình cờ tôi đã được đọc trước, cũng như trong trọn bài nói chuyện

của ông, ông đã phạm những lỗi lầm « *vĩ đại* » mà phần đông các tác-giả Tây-phương khác cũng phạm đến khi họ viết về những dân-tộc mà họ chỉ biết sơ qua sau một buổi dạo phố khi tàu họ tạm dừng ở một hải cảng nào đó. Những tác-phẩm như vậy, người ta đã cho nó một cái tên rất ngộ là « *văn-chương ghé bến* » (littérature d'escale) mà riêng tôi, tôi thường cho nó một cái tên khác là « *văn-chương cổng xe lửa* » (littérature de passage à niveau). Người hành khách ngồi trên xe tốc-hành, chạy ngang qua một cổng gác nào đó, chỉ trông thấy phớt qua trong nháy mắt bộ mặt của vợ chồng anh gác cổng, rồi khi về nhà mài bút viết về đời sống và tâm-lý của cặp vợ chồng ấy. Như thế thì còn tệ hơn nhà văn sĩ kia thừa lúc tàu ông tạm ghé ở một bến nào đó, đi dạo phố một vòng rồi khi trở lên tàu huơi bút viết về phong tục và tâm-hồn của dân tộc bản xứ.

Trên đây là hình ảnh phóng đại loại văn-chương của hạng văn-sĩ nước ngoài ham viết về những đề tài ngoài xứ họ, mà họ không biết gì hết. Ở ngay bên xứ nhà họ có biết bao nhiêu vấn đề đáng được đem ra làm đề tài sáng tác. Nhân-sinh và xã-hội hằng chứa đựng vô số vấn-đề, ở đâu và lúc nào mà khan hiếm ? Nhưng công việc đó, nó đòi hỏi một tài-nghệ thật sự mà chắc gì ai ai cũng có. Vả lại họ thích chọn những chuyện ở xứ xa để dễ thêu dễ dệt, dễ bớt dễ thêm, nói sao cũng được. Họ chỉ cần biết sơ qua một mớ chuyện thường-sáo (lieux communs) là đủ tra vào ngọn bút họ một cái gì mới lạ. Hơn thế, tánh hiếu kỳ của người đọc, hạng người muốn đọc « *cho biết chơi* », bao giờ cũng đòi hỏi cái gì lạ ở phương xa đem về. Thị trường tiêu thụ đã như vậy, văn sĩ mới bôn ba đi một vòng, hoặc nhân cơ hội một cuộc hành trình nào đó, nghe ngóng, học lóm một vài chuyện lạ do những sách vở vỉa hè, hoặc bạn qua đường, hoặc anh bồi chị bếp cung cấp cho, họ gom góp lại thành một mớ kiến thức « *xào bần* » sơ đẳng, cộng thêm vào đó nào là thành kiến, nào là mặc-cảm, hoang-đường

và tưởng tượng để rồi viết ra thành sách mang cái nhãn hiệu rất « *kêu* » là sách khảo-cứu văn-minh, khảo-cứu dân-tộc dưới hình thức một pho tiểu-thuyết.

Quyển tiểu-thuyết « *L'or des paillottes* » của ông M. cũng như quyển « *Hommes blancs dieux jaunes* » của bà C.F. sẽ nói ở đoạn sau, là hai thí dụ điển-hình của loại sáng tác sơ-đẳng và tai hại kể trên.

Cũng vì thế mà đêm đó sau khi nghe diễn-giả trình bày nội dung quyển « *L'or des paillottes* » nhiều thính giả Việt Nam thấy bực mình và xin nói, trong số có kẻ viết bài nầy. Bực mình không phải vì ông M. đã xúc phạm đến danh dự hay tự-ái người Việt, bởi vì cũng có đoạn nói tốt và đề cao. Nói tốt hay nói không tốt đều có thể làm bực mình được nếu nói sai. Ông M. đã nói sai nhiều trong quyển tiểu-thuyết và trong bài diễn-thuyết của ông. Hơn thế, trong lúc trình bày ông còn kể ra nào là Khổng-Tử, Mạnh-Tử, Bergson, Thánh Thomas d'Aquin, Pascal, nhứt là Pascal lung tung beng mà hình như ông không biết gì rõ về các danh nhân ông nêu ra đó.

Khi tôi đứng lên cãi lại, tôi chỉ nhấn mạnh ở một điểm mà thôi, còn những nhận xét sai lầm về các học thuyết, về lịch sử và xã-hội, tôi chỉ phớt qua, thời giờ đâu, hơi hám đâu mà nói cho hết.

Điểm tôi nêu ra đêm đó là chỗ tác giả và diễn giả nói rằng : *Bịnh cờ bạc là căn bịnh di-truyền, như một bản chất tự nhiên của người Việt-Nam. Ở bụng mẹ lọt ra là tay cờ bạc rồi. Không làm sao diệt trừ được.* Chánh-phủ không nên phí công ngăn cấm, phạt vạ vô ích. Chi bằng Chánh quyền khai thác đúng mức căn bịnh ấy bằng cách mở nhà chứa công khai, thu được nhiều thuế, gây thêm món lợi tức to tác cho nhà nước, thay vì để họ lén lút sát phạt nhau cũng vậy. Thế có hơn không ?

Thiết nghĩ, một người ngoại quốc vừa là đại diện cho đế-quốc thực-dân đến xứ này và có cái luận-điệu phi-lý

phi-nhân như vậy, thực ra cũng không có gì làm ai ngạc-nhiên. *Có ngạc nhiên cùng chăng là ngay trong đám người mình cũng có cái luận-điệu ấy và đã có nhiều người thành thật cho là đúng, phụ họa theo và xúi làm,* viện ra bao nhiêu lý lẽ và tiền lệ, nào là Monaco, nào là Macao, Canne Nice, và nhiều nơi khác v... v... Thế mới là nông nổi !

Tôi cãi lại rằng cờ bạc không phải là một một căn bịnh truyền-thống lại càng không phải là một bản-chất tự nhiên của ai hết. Nó chỉ là một thói, một tật cũng như bao nhiêu thói và tật khác của con người trong một xã-hội cố-định. Trong đời không có một sự việc nào mà khơi khơi, không không, hoàn toàn thuần-túy, không nguyên nhân, không sanh quả, không môi-trường, không đối-tượng. Môi trường là ngay tại bản-thân mình, còn đối tượng là xã-hội quanh mình. Không có nguyên nhân nào là tự-phát, dĩ nhiên là không có kết quả nào là tự-phát và không trở lại thành nguyên-nhân rồi sanh quả kế tiếp, vân vân... Kết quả xấu hay tốt, lợi hay hại chính là ở trong môi-trường và đối tượng vậy. Cờ bạc cũng thế. Nó không phải là một dử-kiện khơi khơi, không không, một dử-kiện thuần-túy. Nó có môi trường và đối-tượng, cũng như tất cả những dử-kiện xã-hội khác. Nói trắng ra, cờ bạc xấu hay tốt, lợi hay hại, ắt không phải do ở việc đánh bạc « *thuần-túy* » là cái không thể có. Tính-chất của nó khả ố hay khả ái là do ở đối-tượng và môi-trường của nó. Chính bản thân của người đánh bạc và xã hội chung quanh họ là hai yếu-tố định-đoạt tính chất xấu hay tốt của tật cờ bạc. Kết quả tai hại, xấu xa, nhứt định không phải do ở sự đánh bạc mà là do kết quả của nó gây ra ngay trong môi trường là nơi nó phát sanh bởi chiều hướng của xã-hội là đối-tượng, chỗ nó tàn-phá hoành-hành, trong bản thân như trong xã-hội.

Ngoài các hiện tượng tương-ứng giữa cá nhân và xã-hội do đó mới phát sanh ra muôn ngàn thói và tật trong đó có tật cờ bạc, còn có một hiện-tượng khác là một hiện-tượng tâm-lý cố hữu chung của con người bất luận là dân

tộc nào, ở thời buổi nào. Cái hiện-tượng tâm-lý nầy cơ-hồ như một bản tánh « *phiêu-lưu* » đã có từ thuở bình-minh của nhân-loại, nay còn thầm kín đọng lại trong tâm khảm con người. Bản tánh phiêu-lưu ấy nó biểu-hiện dưới vô số hình-thức trong vô số lãnh-vực và cờ bạc là một. Tánh phiêu-lưu nầy muốn gì ? Đòi hỏi gì ? Luôn luôn nó muốn dọ thử cái giây phút sắp đến trong thời gian mà mình chưa biết, để đón coi nó sẽ mang lại cho mình cái gì, xuyên qua một phương tiện nào đó, người hay vật, hay sự việc. Chín mươi chín phần trăm những người ham cờ bạc là thích coi bói, đoán số v...v.... Tánh tham và tánh lười là hai tánh phụ thuộc cũng do xã hội đẻ ra và dinh dưỡng, xen vào để khai thác cái tánh phiêu-lưu cố hữu kia, rốt cuộc thành phương tiện ăn thua, trục lợi là cờ bạc. Vậy trong con bạc có ba người : người phiêu-lưu, người tham và người lười. Còn những tệ-đoan khác do cờ bạc đẻ ra là do khung-cảnh tinh thần và vật chất của một xã-hội cố định cung cấp cho, để cho nó tồn tại và phát triển. Một tổ chức xã-hội mà để cho cờ bạc với tính chất tai hại của nó như nói trên, chắc chắn không phải là một xã-hội lành mạnh. Trong một xã-hội lành mạnh, thiết tưởng lười biếng còn ít chỗ đứng ; tánh tham lam chắc bị giảm thiểu. Còn lại cái hiện tượng tâm-lý bí ẩn đã nói, là bản chất phiêu-lưu cố hữu của con người, một xã-hội lành mạnh sẽ hướng nó về một chiều khác, nhiều chiều khác không đến đỗi xấu xa tệ hại mà còn hữu ích là khác.

Thế thì phía sau cái tật cờ bạc có cái hiện-tượng tâm-lý bí-ẩn mà cờ bạc chỉ là một hình-thức biểu-hiện mà thôi. Vậy thử hỏi hiện tượng tâm-lý ấy, dân tộc nào lại không có và sao lại gán cho dân tộc Việt-Nam cái độc quyền đó dưới hình thức cờ bạc ? Nếu nói xã-hội Việt-Nam hiện tại có đủ điều kiện giúp cho tật ấy phát sanh và tồn tại với bao nhiêu cái tệ hại của nó, chắc ai cũng đồng ý.

Vậy nói cờ bạc là một thói, một tật của một xã-hội cố định là đúng hơn chớ không phải một căn bịnh truyền

thống hay một bản-chất tự nhiên riêng tư của một dân tộc nào hết. Đói bụng, thèm ăn là hiện-tượng tự-nhiên của cơ thể. Còn ưa ăn mắm, thích phó-mách, ưa nhai kẹo cao-xu là thói là tật. Xin đừng lẫn lộn.

Trên kia tôi có nhắc trường hợp một tiểu-thuyết gia khác là bà C.F. Bà là vợ của một đại tá hồi hưu, đã có ở Đông-dương với ông chồng một thời gian lúc ông theo đoàn quân thuộc-địa Pháp ở đấy. Khi bà trở về Pháp bà nghĩ ra và soạn một cuốn tiểu-thuyết « *xã-hội và tâm lý* » nhan đề : « *Hommes blancs, dieux jaunes* » cốt ý khai thác một vấn đề có màu sắc thời đại trong thế kỷ 20 nầy : ấy là một sự gặp gỡ và xung đột giữa hai nhân-sinh-quan Đông và Tây mà trong cuốn tiểu-thuyết được tượng-trưng bằng sự bất đồng quan-niệm của cặp vợ Pháp chồng Việt lấy Việt-Nam làm bối cảnh.

Một đêm nọ, vào mùa đông 1933, bà cũng làm như ông M. mấy năm sau ở Saigon là mang quyển tiểu-thuyết của bà ra làm đề tài cho một buổi diễn-thuyết tại phòng giảng địa-chất học của Đại-học Sorbonne. Chủ tọa buổi nói chuyện là một anh giáo sư thạc-sĩ trẻ tuổi, mà tôi quên tên, chỉ nhớ là anh cụt mất hết một cánh tay. Phó Chủ-tọa là anh P.D.K. Tối hôm ấy có rất đông người đến nghe, phần lớn là sinh viên Việt-Nam, trong đó có anh N.M.T, nay ở Hànội, và anh N.V.K. hiện là giáo sư tại Đại-học văn khoa Saigon. Buổi diễn thuyết nầy cũng có tranh-luận như buổi ở Saigon của M., có lẽ bởi vì hai tiểu-thuyết gia nầy đều nhằm chung một mục đích. Khi bà nói xong, anh Chủ-tọa bắt đầu cho tranh-luận. Chao choa ! hầu hết người nghe trong phòng giảng đều giơ tay xin nói, Việt có Pháp có. Chí đến anh phó chủ tọa P.D.K. nhịn không nổi cũng xin tuột xuống đứng vào hàng ngũ thính-giả để xin nói. Chín chục phần trăm là đả kích, mỉa-mai, chế-diễu nhưng rất mực tao nhã. Kẻ viết bài nầy cũng thừa cơ xin đưa ra vài nhận xét đại-khái cũng để chứng minh rằng tác-giả đã phạm những lỗi lầm to tác như bao nhiêu tác giả Âu-Tây

khác khi muốn đề cập đến những vấn đề mà chính mình họ không nắm được trọn vẹn. Còn muốn nói nữa, nhiều người muốn nói nữa, ông chồng đại-tá của diễn-giả có mặt, cũng muốn nói, chắc để đỡ gạt cho bà. Nhưng anh chủ-tọa thấy không-khí có mòi không mấy gì êm nên anh ngắt lời tất cả và rung chuông bế-mạc non.

Thực ra, loại tiểu-thuyết nầy đều chứa đựng không nhiều thì ít những chuyện hoang-đường hay thường-sáo, nhưng hiểm nỗi là tác-giả nào cũng trình bày nó như những dữ-kiện xã-hội có thực một trăm phần trăm. Thật vậy, không gì dễ bằng tạo ra những nhân vật tưởng-tượng rồi đặt vào bản thân họ một tác-phong, nhét vào tâm-hồn họ một thái độ tinh-thần, để vào miệng họ những lời mà tất cả đều do tưởng-tượng của mình đẻ ra sau một mùa thai nghén ngắn-ngủn bởi kẻ qua đường. Do đó mới bộc lộ ra bao nhiêu ý-thức và nhận xét sai lầm về gia-đình, xã-hội ở phương xa. Bất cứ một người Tây-phương nào, khi họ có dịp đề cập đến Việt-Nam thì cơ hồ như tự-nhiên họ thấy xã-hội Việt-Nam là một tổ-chức theo phụ-hệ, một thứ phụ-hệ tàn khốc, phi-lý, phi-nhân ; họ thấy con người Việt-Nam là một thứ người chỉ biết phục tùng và nen-nén sợ sệt luôn luôn ; họ thấy gia-đình Việt-Nam là một khuôn-khổ khắt-khe, độc đoán do đạo Tam-Cang nắn ra. Người chồng là chúa tể trong nhà, vợ là tôi mọi, bầy con là kẻ như ấu-trĩ mãn đời, không bao giờ có tuổi trưởng-thành, lại còn bị đặt dưới quyền tha hay giết của người cha ; phái nam thì có quyền riêng tư lấn áp, phái nữ thì tuyệt-đối vô-quyền, vô giá-trị vân...vân... Rồi họ còn đem chế-độ đa thê ra đặt cho nó nổi bật lên như một món hàng đặc biệt ăn khách hơn hết mà họ ngây thơ tưởng rằng bên Âu-Tây không có. Họ có dè đâu Âu và Á giống hệt nhau ở chỗ đó, chỉ có khác là một bên thì được pháp-luật nhìn nhận và bảo vệ công khai (Á), còn một bên thì lén lút, lậu liễm (Âu) : độc thê trên lý thuyết và pháp lý, còn trên thực tế thì « tha hồ chủ nghĩa ». Có thế thôi. Hậu

quả của cách đối xử trước vấn đề nó đã như thế nào, không cần nói, ai cũng biết.

Hiểu gia-đình và xã-hội Việt-Nam một cách nông cạn như thế ấy, quả thật là đáng thương hại.

Về mặt thực-tế, trong sanh-hoạt hằng ngày của dân tộc, vì vị-trí riêng biệt của họ, người Tây-Phương có bao giờ được tiếp nhận vào sống lâu ngày trong gia-đình Việt Nam thực sự Việt-Nam ? Bất quá là họ nghe lóm những chuyện nhảm của lũ bạn « cột tàu », hoặc giả nhiều lắm là họ gần gũi, giao thiệp với những gia-đình lai căn, đã mất gốc từ lâu và đã bị Âu hóa một cách giả tạo từ lời nói đến thói ăn cách ở, chí đến cái tên của họ cũng không còn hoàn toàn Việt-Nam và đã thêm khúc đầu bớt khúc đuôi, có cái gì na ná Âu-Châu. Âu cũng là một hình thức Âu-Á phối hợp hay Á-Âu đề huề. Và hạng người nầy là những phần tử có tư-tưởng nông cạn, hoặc dốt nát, tuyệt đối không còn biết gì về Việt-Nam cả, họ đã lấy áo ma tra vào mình rồi. Thử hỏi, người ngoại quốc nào mà tiếp xúc với hạng người nầy và nhờ họ để biết Việt-Nam, thì Việt-Nam sẽ được hiểu như thế nào ? Nhưng, khổ nỗi ! là phần lớn người ngoại quốc lại chỉ được gặp hạng người nầy mà thôi và rất ưa thích nghe họ, vì nghe họ dễ nghe, khỏi phải mệt trí bởi vì hai bên đều có một phương-thức tư-tưởng na ná như nhau. Té ra họ đến xứ lạ, muốn biết xứ lạ nầy mà gặp người xứ họ trá hình, để thăm dò học hỏi. Oái-oăm thật ! Trong câu chuyện nầy ai gạt, ai bị gạt ? Cái nguy cơ là cả hai bên đều thành thật, tưởng mình đã nắm sự thật. *Nạn nhân là dân tộc Việt-Nam.*

Về mặt tài liệu lịch-sử, nghệ-thuật, văn-chương, nhân-bản, nhân-chủng, pháp-luật, nói chung là về mặt văn-hóa là phần tinh-vi tế-nhị nó đòi hỏi nơi người ngoại quốc cầm viết, viết về một dân-tộc khác, nhiều thời gian, nhiều nhẫn nại, tiêm-tế, dè dặt, khiêm-nhường và còn phải thêm vào đó cái năng-khiếu thấy bên kia sự vật để bắt gặp cái khó bắt gặp bằng cặp mắt tầm thường. Lắm khi một câu

ca dao, một thức ăn, một cách mặc, một lễ cưới, một đám tang, một nụ cười, một giọng hát, cách sửa kiển, cách chơi hoa, một chiếc trục, một con thuyền, một cánh bườm, một nhạc cụ vân... vân..., lắm khi những yếu-tố nầy nó chứa đựng bên trong một cái gì hùng-biện gấp trăm lần những pho sách nằm trong thư viện, để nói lên bề sâu và bề rộng tâm hồn và văn-minh của một dân-tộc. Thôi, đó là việc khó làm. Việc dễ làm là đọc sách cho đúng sách, đúng cách, để đừng hiểu sai, thế mà có được mấy ai trong hàng văn-sĩ ngoại quốc sang đây muốn viết về xứ nầy mà chịu khó đọc giùm một chút ? Thí dụ như muốn viết về địa-vị của cá-nhân nói chung, và của người đàn bà nói riêng, họ có bao giờ chịu khó gia công đọc kỹ bộ Hoàng-Luật nhà Lê của ta ? Nếu không đọc được trong nguyên-bổn thì còn bản dịch toàn bộ của Deloustal chẳng hạn. Đó là việc dễ làm hơn hết để ít ra cũng biết chút ít về vị-trí pháp-lý của người đàn bà Việt-Nam từ ngàn xưa, thay vì để viết hay nói theo định-kiến.

Đáng tiếc thật ! nhưng nghĩ kỹ, cũng nên giảm-khinh trách-cứ cái tính bất cần và cái tật ít chịu khó của hạng văn-sĩ nông cạn nầy, cũng giảm khinh trách-cứ luôn cho bà C.F. khi bà nói đến trạng-thái gia-đình Việt-Nam một cách sai lầm, nhứt là khi bà hiểu sai, cũng như nhiều tác giả Tây phương khác trước bà và sau bà, hiểu sai cái đạo Tam-Cang mà họ coi như một cái bia, ai cũng nhắm vào đó mà bắn, trút vào đó bao nhiêu tội lỗi và tệ đoan. Tôi không biện hộ mù quáng cho đạo Tam-Cang cũng không nói nó là của ai, của Khổng Tử hay của Tống Nho ; tôi chỉ biết nó có và chỉ nói người ta đã hiểu sai nó và muốn đề nghị giảm-khinh trách-cứ cho người hiểu sai kể cả bà C.F., tác giả cuốn tiểu-thuyết xã-hội « *Hommes blancs dieux jaunes* ». Lý do là ngay bên Âu-Châu bao nhiêu dữ-kiện lịch sử đã bị hiểu lầm và bóp méo, không phải bởi hạng văn-sĩ tầm thường mà là bởi những ngọn bút tài ba xuất chúng. Chẳng hạn như trường hợp của ý-niệm Pater

Familias của thời cổ La-Mã, mà suốt mấy thế kỷ hết thảy các sử-gia đều thành thật hiểu lầm một dữ-kiện lịch sử to tác như vậy. Rồi, đùng một cái, khi người ta phát giác ra bộ luật của hoàng-đế Théodose, mới ngã ngửa ra cả đám vì hay rằng mình đã hoàn toàn hiểu sai điểm ấy của chế độ thời xưa kia. Bên Âu-Tây, sự kiện Âu-Tây mà người Âu-Tây còn bị hố như thế, hà huống...

Hà huống là người Tây-phương mà đầu hôm sớm mai muốn biết chuyện Đông-Phương và bạo gan liều lĩnh viết chuyện Đông-Phương.

Đúng ra cho vấn đề Âu-Á là một vấn đề tối quan-trọng trong thời đại này, nghe cũng không phải là quá đáng. Sự gặp gỡ giữa hai vùng văn-minh nầy là một dữ-kiện lịch-sử trọng đại không những riêng cho hai châu nầy, mà còn có những hậu quả sâu xa về sau cho cả nhân-loại. Bởi cái tánh cách quan trọng và thời đại ấy mà ai cũng ngứa ngái nhảy ra đỗ xô như đám người đi tìm vàng. Tha hồ mạnh ai nấy viết mà hễ viết về Đông-phương thì bất cứ tay mơ nào cũng cho mình là Pearl Buck, Rudyard Kipling, Pierre Loti hay Rabindranath Tagore. Nhưng khổ nỗi ! là tác phẩm của họ nào có phải là « The wang Family » của Buck, « Kim » của Kipling, « Les désenchantés » của Loti, hay « A quatre Voix » của Tagore. Mặc dầu những tác phẩm kể trên là thuộc hạng kiệt-tác sâu sắc, có giá trị muôn đời, kể vào loại « tiểu-thuyết bốn chiều » (Romans à quatre dimensions) theo cách phân-loại của André Suarès, mặc dầu được vậy thế mà còn bao nhiêu sơ sót mà chính tác giả cũng khiêm-tốn nhìn nhận như vậy. Mà làm sao tránh được những chỗ sơ sót đó, một khi mà tác giả — trừ Tagore — không có được cái huyết-thống của dân-tộc mà mình muốn biết và mình muốn viết ra ? Đó là những tế-nhị nó thoát hẳn ra ngoài phương-thức tư-tưởng của người viết. Đàng này, những hạng tay mơ, sơ đẳng làm sao cho kham được ? Thế mà họ can đảm, liều lĩnh hơn ai hết ; họ quả-quyết như kẻ rao hàng, như người truyền đạo. Tệ hơn nữa là họ

biến nghệ-thuật tiểu-thuyết thành thuật vẽ ma, vẽ sao cũng được, miễn đánh trúng cái thị-hiếu của khách hàng, thế là cứu cánh đã đạt. Họ đâu có đủ tài năng để bắt « con ma » có thật luôn luôn đứng phía sau cái thực cụ-thể, mắt thấy được tai nghe được, chừng họ mới tạo ra những ma tưởng tượng. Cái nguy là ở chỗ đó.

Hơn nữa, người Tây-Phương hạng tầm thường, khi họ viết về Đông-Phương, không nhiều thì ít, họ viết với một thứ mặc-cảm cho họ tưởng rằng họ là đại diện cho một cái gì hoàn-toàn, đứng trước một cái gì chưa hoàn-toàn ; một người lớn đứng trước lũ trẻ ; một văn-minh chói lọi đứng trước một lạc-hậu man-di, hay, nếu dùng danh từ phổ thông hiện hữu là một tiền-tiến đứng trước một chậm tiến. Tệ hơn thế, không phải vấn đề « *Khách thắng chủ* », mà là thế chủ thế tớ, thế tôn thế ti. Mặc cảm nầy dắt dẫn họ đến chỗ sai lạc tai hại vô cùng. Thậm chí có những hạng người bên ấy dám cầm viết, viết những chuyện xằng xẹo, hoang đường quá mức tưởng-tượng. Thì đây một bằng chứng :

Vào năm 1926, lúc tôi mới qua bên ấy được một năm, một hôm tôi hân hạnh được mời đến dùng cơm thân mật trong một gia đình bực trung-lưu ở một tỉnh miền nam nước Pháp. Cùng đến dự có sáu bảy người khách khác và tôi là người ngoại quốc duy nhứt. Trong hàng thực khách có một chị phụ nữ tuổi trạc ba mươi, tôi mới được giới thiệu lần đầu. Sau bữa cơm, đến tuần cà-phê, chị nầy kể cho nghe một chuyện, chị kể rằng thuở chị còn nhỏ, đi học trường làng, một bữa nọ bà giáo của chị có đem vào lớp học đọc cho đám trẻ học trò nghe một quyển sách do một nhà truyền giáo nào đó có ở bên Trung-Quốc nhiều năm viết về phong tục xứ xa xôi ấy. Có một đoạn thật ghê tởm mà nhờ vậy mà chị mới còn nhớ đến bây giờ. Đoạn ấy viết rằng : Bên xứ Chi-Na, hễ sanh ra con trai thì nuôi, còn sanh con gái thì quăng cho heo ăn, hoặc cho hàng xóm làm gỏi. Bị bà chủ nhà lúc nãy khi giới thiệu có nói

tôi là người Việt-Nam, mấy năm về trước có ở bên Trung-Quốc một thời gian, nên chị mới đem câu chuyện nầy ra và đoạn hỏi tôi có đúng vậy không. Khi chị kể chuyện trên, tôi nghe trong phòng ăn có tiếng khẻ tỏ ra vừa kinh-hoàng vừa khó tin. Cũng khi ấy tôi nghe hai vành tai tôi bốc lên nóng rực. Tôi biết tôi mắc cỡ một chút. Không mắc cỡ sao được ? Cả chục người trong phòng, kể cả hai ông bà chủ nhà và cô con gái tóc vàng mắt xanh của ông bà, người nào cũng nhìn tôi chăm bẳm. Họ ngóng câu trả lời của tôi và cũng có lẽ họ đang lập lại cái thuyết tam-đoạn-luận của Aristote : Người Chi-Na ăn gỏi thịt trẻ sơ sinh, mà anh nầy là cùng một giống với người Chi-Na, vậy thì anh nầy biết ăn gỏi ấy. Ghê chưa ? Tôi gượng gạo mỉm cười và rán sức tỏ ra không ngạc nhiên chút nào, và vặn lại bằng một câu hỏi : Quí cô, quí bà và quí ông có can đảm tin chuyện đó không ? Mặc dầu tôi biết người Pháp có thừa can đảm. Chớ phần tôi, tôi không đủ can đảm để trả lời. Mấy năm tôi ở Trung-Quốc tôi vẫn ăn cơm với cá thịt như người khác, thịt trẻ sơ sinh tôi chưa ăn lần nào. Bên xứ Chi-Na cũng như bên xứ tôi, người ta thích ăn trứng vịt lộn là vịt chưa nỡ chớ cũng không ai ăn vịt sơ sinh. Vả lại tôi nhớ hình như người Pháp có câu tục ngữ rất ngộ : đi xa về nói láo sướng miệng (A beau mentir qui vient de loin). Cả phòng đều cười xòa. Tôi liếc thấy trong cái cười nầy có chút gì của cái thứ cười mà người Pháp gọi là un rire jaune. Chắc họ cũng thẹn phần nào bởi vì tác-giả quyển sách nói trên là người Pháp lại là một con người thuộc hạng người đáng kính, thế mà thi đua ăn đứt chú chàng Marius là ông tổ nói bịa ở Marseille cũng như ông tổ Ba Thụ bên ta vậy.

Câu chuyện tí-ti và buồn cười năm xưa là như thế đó. Nay nhắc lại tôi còn hơi thẹn, không phải thẹn cho tôi hay cho Đông-Phương tôi, mà thẹn cho người cầm viết, viết cỡ đó. Họ dốt hay họ ác ? Đi đến mức đó mà có người dám đi, hà huống là đi ít xa hơn. Phê bình, khen

tốt hay chê xấu một dân-tộc, một văn-minh mà chính mình không biết gì ráo, hay hiểu xiên-xẹo qua tấm kính méo hình của thành-kiến hoặc lợi lộc, đều không xứng đáng cả. Nếu họ thành thật thì đáng thương hại ; nếu họ dụng ý, thì họ độc ác ; nếu họ vì lợi lộc thì đáng khinh. Cái vị-trí tưởng tượng « *bề trên* » nói trước kia, vị-trí mà họ mặc-nhiên tự tạo ra do « *vị-trí ưu-thế* », sẵn có của Tây-Phương, khiến cho họ tư tưởng và viết với một thứ mặc-cảm tai hại. Thế thường, ở đâu và lúc nào cũng vậy, một cây viết độc ác bao giờ cũng chấm vào thứ mực giết người ; cây viết núp sau thế lực là cây viết xu-thời, dua nịnh, a-tòng, trục lợi ; **cây viết chĩa ngay trước thế lực là đáng kính : hoặc nó bị bẻ gãy, hoặc nó tồn tại và viết những gì đáng viết. Nó đứng trên thế lực, ngoài thế lực các loại là nhứt thời để viết sự thật là không nhứt thời.** Cây viết là con người. Con người cũng vậy. Văn sĩ và tiểu-thuyết gia cũng vậy. Hạng cây viết đáng kính nầy rất hiếm như Romain Roland, André Siegfried, André Gide, Jean Guéhéno, Comte de Keysirling, Okakura Kakusu, Teilhard de Chardin, Bernard Shaw.... chẳng hạn.

Từ đầu bài nầy đến đây, tôi muốn nhắc lại những mẩu chuyện mà mấy mươi năm về trước mắt tôi được thấy và được đọc, tai tôi được nghe, cũng như ngày nay thỉnh thoảng còn được nghe và đọc đây đó ngay trong xứ mình. Nhắc lại là cốt để mượn đó làm đề nói qua cái lối viết tiểu-thuyết hay viết sách viết báo của một hạng tác-giả ngoại-quốc khi họ viết về những dân-tộc ngoài nước họ như thế nào, nhứt là về Đông-Phương ta. Mấy mươi năm, một thời gian dài đã trôi qua từ đấy, thử hỏi lối viết như vậy có phần nào thay đổi khá hơn chưa ? Riêng thiển kiến của kẻ-viết bài nầy, xin thú thật hãy còn hoài nghi lắm. Bởi vị-trí của đôi bên Âu-Á hình như chưa có gì thay đổi đáng kể về mọi mặt. Trái lại, còn có phần tệ lậu hơn là

khác. *Âu dốt Á, ngày nay lại thêm một phần Á dốt Á luôn.* Kết quả là đối với Tây-phương, Đông-Phương đã xa lạ, càng xa lạ thêm. Hơn thế riêng phần Việt Nam, khói lửa chiến-tranh đã bao trùm cảnh vật non một phần tư thế kỷ, tiếng súng đạn và kim tiền làm điếc tai bưng óc, ai còn trông thấy được ai, nghe được ai ? Khổ hơn nữa là phong trào máy móc đang mạnh lên, nào thống kê, nào máy đo máy tính điện-tử, đâu đâu cũng cấp-tốc, tốc-hành, hỏa-tốc, ông thần thời-gian đứng ngơ ngác bên lề, ai còn cậy ông nấu chín tư-tưởng và sự vật ? Thị trường trình bày toàn là những món hàng sống sượng. Người viết văn một phần nào cũng bị cuốn theo chiều gió, lẫn lộn thuật viết văn với thuật phóng-sự, hoặc phỏng-vấn chớp nhoáng ! Tai hại hơn nữa là người hỏi và người đáp, người thăm dò về và người rọi sáng đã còn có một người vì người sau đã bị biến thành người trước mà cả hai người đều không hay. Đồng-hóa phương-thức tư-tưởng của người rọi ngõ do người tìm ngõ đã hình thành đã thành công. Té ra, các màn của tấn kịch cơ-hồ như độc-thoại. Hai bên Âu-Á thu hẹp trong hai đám người vấn đáp, xướng họa na-ná như nhau, ngồi chung một thuyền, cùng hát chung một điệu, điệu của bên ưu-thế, ngọng nghiệu hay thanh thao, bất đếm. Hai bên bờ sông, đám đông người nghe giọng lạ ngơ ngẩn. Đông và Tây làm sao bên nào chịu tìm hiểu bên nào, một khi mà một bên, bên ưu-thế, cho rằng mình biết đủ, còn một bên, bên tự ti, lại từ chối không chịu tìm biết mình, mượn người bên kia biết hộ cho mình để rồi phụ họa theo. Thế là tiện việc cho cả đôi bên. Nạn nhân bị thiệt thòi chỉ là chân tướng của sự vật. Trong nhà có nuôi chim họa-mi, lúc ban đầu còn phân biệt nghe tiếng người nói và tiếng họa-mi hót. Dần dần, người tập chim nói tiếng người để rốt cuộc chỉ còn nghe một thứ tiếng người, ọ ẹ, phụ họa, đối đáp bên trên bên dưới với nhau. Ai gạt ai ? Ai lầm ai ? Nhưng cũng hay cho luật đời : số họa-mi được tập ọ ẹ tiếng người rất ít. Bởi ai có tài nào lột lưỡi hết cả loài họa-mi ở chốn rừng sâu bao giờ ? Con

người nào, một hôm bắt gặp được một chú chim nói tiếng mình rồi tin bằng chắc rằng tất cả giống nòi của nó đã như mình hết rồi, con người ấy rõ là ngây thơ lắm vậy.

Thật tình mà nói, Đông-phương là một khu rừng mênh mông, là một biển cả không bờ, là một đỉnh núi vót trời, là một vực sâu vô tận. Có được mấy ai bên kia vòm trời Tây-phương được tự-phụ cho rằng đã thấy rõ thật sự phần nào chưa ? Biết với cái biết bằng lý-luận, lấy lý-luận làm công-thức và phương-tiện để biết, như thế là không thể biết hoặc chưa biết Đông-phương. Vũ-trụ và vạn-hữu là đối-tượng hiển-nhiên đặt trước mắt và trước tâm-linh con người và đòi hỏi một giải đáp thích ứng sao cho thực chớ không hư, sao cho chân chớ không giả. Thực hư, chân giả, phương-thức tư-tưởng Tây-phương dùng cây thước lý-luận để phân biệt. Như thế thì ngay ở bước đầu đã sa lầy rồi đó, không làm sao ra khỏi. Muốn ra ngoài sân mà cứ chỉ đầu tiên của người đứng trong nhà lại là đóng cửa và rờ rẫm, tưng tiêu cái ống và chìa khóa, cho nó một giá trị độc nhứt vô nhị, thử hỏi làm sao ra được ? Tây-phương muốn biết bằng lý mà lý là vị thần rào đón, độc đoán phân loại sự vật, cưỡng-bách sự vật chiều theo khuôn-khổ cố định « *tiền-chế* » của lý để cho lý thỏa mãn. Do cái thái độ giả tạo và chủ quan đó mới đẻ ra cái nguyên tắc « *nhị thể* » phân minh rõ rệt, là nguồn gốc, là nguyên nhân của thái độ tinh thần như một tối-hậu-thư trong câu hỏi « être ou ne pas être ? » mà thi hào Shakespear đã mỉa mai nêu lên trong vở kịch Hamlet : To be or not to be ? » sự vật không trả lời câu hỏi nầy của Lý-trí, tức Lý-trí tự trả lời lấy. Cũng trong vở kịch siêu-việt nầy Shakespear lại để vào mồm Hamlet một câu cũng không kém ác nghiệt đối với phương-thức tư-tưởng và lý-luận của tinh-thần Địa-Trung Hy lạp mà nhân vật Horatio là phát ngôn nhân yếu ớt. Hamlet nói : « Nầy Horatio, trong vũ-trụ bao la kia có biết bao nhiêu sự vật mà cái triết-lý nghèo nàn của anh không bao giờ biết ». Mà trong vở kịch, Hamlet là một hoàng-tử như điên, giả điên, điên mới có ý tưởng ngược

đời không theo cùng một chiều hướng với tư-tưởng của toàn thể miêu-duệ của Aristote. Phải chăng thi hào Anh-cát-Lợi đã nhận thấy cái nông cạn, hẹp hòi, thiển cận và vô-năng của Lý-Iuận, ông vượt hẳn qua phía bên kia cái gọi là thực-tại để thấy được cái chân của sự vật ? Ông không chủ trương lý-trí độc đoán, lý-trí chiếm độc quyền hiểu biết vũ-trụ mà lý-trí không ngờ mình là giả tạo, phù siển do trí óc lần quần của con người tạo ra để tự thỏa mãn trước những sự việc khó khăn mà con người muốn có cho bằng được câu giải đáp, thỏa mãn với luận-điệu có màu sắc chắc mẻm và chính-xác, không dè kỳ thực con người chỉ tin như vậy. Vấn đề tri và thức đã biến thành vấn đề tín-ngưỡng. Thôi, cũng yên cho đi. Mẹ đẻ ra con, con hát vừa ý mẹ, mẹ vỗ tay. Cuộc vui đùa của mẹ lẫn con. Vũ-trụ thản nhiên không hay biết tới !

Cũng đứng trước vũ-trụ đó, vạn-hữu đó nó đang sống động bên trong, Đông-phương không vội tin lời chỉ dẫn của vị thần Lý (Ratio) theo quan niệm Tây-Phương, đứng ngoài mà tự phụ đấp cái vỏ cứng rắn làm chết đứng cái sống động bên trong, rọi chút ánh sáng của đuốc Lý vào khơi bên ngoài rồi hô to rằng đã biết. Lý và sự đối với Đông-Phương không phải ý-niệm hai trạng thái soi nhau, đối chọi nhau, một bên muốn biết, một bên bị biết, chủ thế khách thế phân minh, không minh-định rõ trước khách là ai và chủ là ai. Ý-niệm của Đông-Phương đối với vũ-trụ và vạn hữu là ý-niệm biến-chuyển vô-gián của nhứt thế, không ranh giới phân biệt giữa cái có và cái không, không cưỡng bách sự vật phải làm thỏa mãn lý-trí mình bằng lối trả lời « tối hậu thư » « être hay ne pas être » như Shakespeare đã mỉa mai nêu ra. Cưỡng bách như vậy, chẳng khác nào lấy khẩu cung bằng thủ đoạn, mánh lới, bắt buộc can-nhân phải đáp theo ý người hỏi, theo lối đã vạch sẵn. Một hình thức gian lận. Nếu không nhã nhặn, người ta có thể nói vũ-trụ và sự vật bị lý-luận ép duyên, thay vì đồng cảm hóa hai bên, đồng-nhứt-thể-hóa, bước

ngay vào trong để hai thành một, thế là biết từ trong biết ra như Đông-Phương đã làm. Biết như vậy là biết thực sự, biết hoàn-toàn chớ không biết hẹp, biết không thực. Biết như Tây-Phương biết, sử-dụng cái Lý của trí làm phương-châm duy nhứt để đo lọc là đánh hẹp cái biết. Biết như Đông-Phương biết, sử-dụng cái Lý của tâm là biết đích xác, biết không mâu-thuẫn, biết trong hòa-đồng giữa người và vũ-trụ. Tây-phương chủ-trương cái Lý của trí là thu hẹp, là làm khô cạn, nghèo nàn, làm bế tắt đường biết. Đông-Phương chủ-trương cái Lý của tâm là mở rộng, là phong-phú, là dọn đường thông đạo trở về với vũ-trụ, và sự vật, trở về với cái mà Đông-Phương gọi là Đạo. « Đạo đại, nhân tự tiểu chi ; đạo công, nhân tự tư chi ; đạo quảng, nhân tự hiệp chi » (Đạo là lớn mà tự người làm nó ra nhỏ ; đạo là công, mà tự người làm nó ra tư ; đạo là rộng, mà tự người làm nó ra hẹp). Phải chăng lời trên đây của Lục-Tượng-Sơn là chỉ vào cái phương-thức tư-tưởng dụng Lý của trí làm căn bản mà bỏ quên cái Lý của tâm gấp bội phần hữu hiệu hơn để biết ?

Nói tóm, thái-độ của Tây-Phương là thái-độ người ra đi, hướng ngoại, đi mãi trên đường phiêu-lưu vô-tận mà không bao giờ đến, bởi vì đã định-hướng sai ở bước đầu. Trên con đường tìm biết vô tận nầy cũng có đoạn ngoạn mục say sưa vì đạt được kỳ vọng nửa mùa và giả tạo, mà cũng dẫy đầy thất vọng, bất mãn, chua cay. Tựa hồ như người hàng hải, nhắm con sao ban đêm để nhờ nó dẫn đường đi cho đúng hướng mà đã chọn lộn con sao nên cứ phải lênh đênh trên con đường vô định. Ngàn năm, muôn năm, con sao vẫn là con sao trên trời nó không hay không biết rằng người đi thuyền đã mượn nó đem đường để rồi đâu không đến đâu. Vòng quanh lẩn quẩn từ khao-khát nầy đến khao-khát kia, từ bất mãn đến tuyệt vọng. Dân-tộc nào đã đặt ra truyện thần-thoại của Prométhée ? Phải chăng đã hoảng-hốt kinh-hoàng khi nhớm thấy cuộc phiêu lưu nguy hiểm đó. Cũng dân Hy-Lạp. Thế là cái nhoáng

khôn ngoan của trực giác chỉ có một giây ngắn ngủi như cái chớp cuối cùng của một hải-đăng trên biển Egée, chớp rồi tắt mất, không làm sao đổi được hướng đi của kẻ lữ-hành ham đi, thế mới xiêu dạt như ngày nay. Khổ sở như ngày nay. Mà đến ngày nay cũng chưa trả lời dứt khoát được câu hỏi : Đi đâu ? để làm gì ?

Thái-độ của Đông-Phương, ngược lại, là thái-độ của người trở về, hướng nội, muốn biết vũ-trụ và sự vật phải bước hẳn vào vũ-trụ và sự vật, biết từ bên trong dùng phương-tiện Lý của tâm chớ không dùng Lý của trí, chớ không đứng ngoài trông vào như người khách lạ để biết. Thế khách-quan của cái gọi là Khoa-học của Tây-Phương, thực ra là chủ-quan hoàn-toàn do thế chủ của Lý-trí tự tạo làm phương-thức cho mình. Vũ-trụ ví như cái vòng quây, muốn biết động-lực của sự quây, Đông-phương bước hẳn vào vòng để biết. Tây-phương đứng ngoài để đo động-lực bằng cây thước Lý-trí mà vòng quây không biết cây thước ấy là cái quái gì. Hoàn-toàn xa lạ. Mặt khác, Tây-phương biết bằng phạm-trù (catégories) là cơ bản của ý-thức và cũng là sản-phẩm của Lý-trí. Đông-phương biết bằng « *không tên* », « *không lời* » bởi vì, « *có tên* » « *có lời*» là hết biết. Có lời, có tên là có phạm-trù, có sắp đặt, có phân-loại, đành rằng ngoạn-mục thật, nhưng đó tức là giới hạn cái biết, bẻ méo cái biết, giả-tạo-hóa cái biết, giết chết cái biết thực sự. Tây-phương cưỡng-bách sự-vật, ép sự vật vào chiếc khuôn « *tiền chế* » của Lý-trí rồi đặt tên, định nghĩa cho sự-vật. Sự-vật có chiều theo không ? Quả là mình tự phỉnh mình. Đông-phương dẹp cái cạm-bẫy ác-nghiệt đó lại một bên, bước trên hoặc bước ra ngoài cái cách biết bằng đo lường, tính-toán của Lý-trí, dùng cái Lý của tâm để đạt đến cái biết bằng giác, tức là « *tri giác* ». Giác là biết thực sự bởi vì không còn người biết và sự-vật được biết. Thế chủ, thế khách không còn,chủ khách là một. Ngày nào nghệ-thuật diễn-tả được cái phương-thức tư-tưởng đại đồng nầy của Đông-phương lẫn của Tây-phương,

ngày đó nghệ-thuật sẽ đạt đến mức tuyệt-đối và toàn-thiện của nó vậy. Và cuộc phiêu-lưu xiêu-dạt của con người cũng sẽ chấm dứt. Con người sẽ đến chỗ ước mong phải đến, hết lo sợ, hết kinh-hoàng như cảnh nổi loạn hãi hùng ở một cảnh nhà điên trong đêm tối.

Trong các môn nghệ-thuật, có văn-chương và tiểu-thuyết, có thể nói lên trong muôn một sự việc trên đây. Cái giác của chàng Satish, nhân-vật chánh trong tiểu-thuyết « A quatre Voix » của Babindranah Tagore, phải chăng đã diễn tả ra được phần nào cái phương-thức biết của Đông phương ? Còn nói chi hạng văn sĩ tầm thường nông cạn mà gắm ghé muốn biết Đông-phương, bất quá họ như người đứng ngoài cổng trông vào đám vườn mênh-mông đầy hoa muôn màu rất quyến rủ rồi tấm-tắc khen hay trề môi chê, vậy thôi. Trái lại, có những bộ óc uyên-thâm bên ấy, nếu họ còn nặng nợ trí thức muôn đời của vòm trời Địa-Trung, họ rất mực khiêm-tốn, dè-dặt và nhìn nhận rằng vấn đề tìm hiểu Đông-phương là vạn nan. Những Romain Roland, những Leggs, những Burnouf, những Mauss không bao giờ dám quả-quyết. Quả-quyết là thái độ của những cây viết với thành-kiến như Léon Wieger, Panthier, Jules Renard chí đến Alexandre de Rhodes cũng vậy. Còn nói chi đến hạng sơ-đẳng, nông-cạn như M. và bà C.F., hai tiểu-thuyết-gia được đề cập ở đoạn trước, thôi thì miễn cho đi, đừng trông mong gì nơi họ.

Thế thì biết bằng cách Đông-Phương biết, sống như Đông-Phương sống, cảm-giác và suy-tư lý và sự như Đông-Phương cảm-giác và suy-tư, chắc chắn là ngoài cách biết và cách cảm-giác suy-tư của Tây-Phương. Và cũng một phần nào đã « *sầy vuột* » ra ngoài cách hiểu biết của một số ít người Đông-Phương mà đã bị Tây-Phương hóa. Có lắm sự việc ở Đông-Phương gây ra cái phản ứng tinh-thần ngơ-ngác cho người Tây-Phương. Cũng như có lắm điều của người Tây-Phương làm cho người Đông-Phương ngơ-ngác. Sự thể là như vậy mà có ai chịu khó hỏi tại sao

vậy. Thường thường phương-pháp được áp-dụng để giải quyết vấn đề là « *đập dập* » vấn đề, coi như nó không có, hoặc giải quyết như quan huyện xử kiện vụ con sam mà ông cho là bò-cạp nước, phân xét theo lối kẻ mạnh, lấy lý-luận, lấy ưu-thế làm phương-châm và hậu-thuẫn. Âu tự-tôn cho mình ngơ-ngác là không đúng, thương hại cho Á. Á tự-ti im-lìm cho rằng mình không hiểu nổi Âu tại mình thấp quá, phục sát Âu. Thế là xong việc. Rồi đâu vẫn còn đó và ngày nay vẫn còn.

Trên đây là những nhận xét trước thực-trạng của sự-thể tạo ra bởi hai tri-hệ, hai phương-thức tư-tưởng : một bên đi ra, một bên trở về. Đi ra đã mang lại kết quả nào, trở về đã mang lại và hứa hẹn kết quả nào ? Vấn đề rất quan trọng và ở Đông-Phương cũng như ở Tây-Phương đã có người bắt đầu chán-chê và lo sợ cho cái lối ra đi vô tận nầy và đã nghiêm-nghị đặt thành vấn đề, vấn đề sống còn của tất cả.

Ông René Guénon, một trong những tư-tưởng gia sáng suốt nhứt bên Âu-Châu có viết rằng hình thức cứu vãn tình trạng nầy « *không ở trong một dung-hòa hay tổng-hợp hai nền văn-minh (Đông và Tây) mà trong sự trở về của Tây-Phương với những nguồn suối tâm-linh đích-thực, qua sự giúp đỡ của Đông-Phương. Thật sẽ là một việc làm táo bạo nếu ta đoán trước thời-gian cuộc biến-chuyển nầy, hay nói rõ hơn, cách thức sự biến-chuyển sẽ hình-thành* » (Est et Ouest). Đông-Phương giúp đỡ bằng cách vạch đường trở về để tìm người lái xe mà từ bấy lâu Tây-Phương chưa có được vì căn bản của phương-thức tư-tưởng và tư-hệ của Tây-Phương không thể tạo ra người lái xe ấy, mà chỉ chế ra xe mà thôi.

Nói đúng ra, đây không phải một cuộc xung đột giữa hai lý-tưởng Đông và Tây-Phương vì lý do giản-dị là Đông-Phương không bao giờ tranh-giành ảnh-hưởng hay cưỡng ép ai phải theo đường lối của mình, trái hẳn với tinh-thần

Tây-Phương là tinh-thần chiêu-đạo, chiêu-khách, quyến-dụ người theo (prosélytisme) quan-điểm của mình, tư-tưởng của mình mà tự cho là đúng. Nếu có giằng co chỉ là giữa thế công và thế thủ. Vậy thì không có cuộc xung-đột giữa hai lý-tưởng hoặc hai thái-độ tranh hùng. Chỉ là một sự lạc đường trước, lôi kéo theo một sự lạc đường sau. Bây giờ vấn đề tất-yếu là cùng giác-ngộ và cùng chung trở lại đường khác. Lịch-sử và thời-gian sẽ chứng-kiến cái ngày ngã ngũ phải đi đường nào đó. Vũ-trụ và vạn hữu luôn luôn sống động không ngừng, đường nó nó đi, bất-tức trôi qua cũng như không trôi qua, nó nào thèm đếm xỉa gì ai, dạy khôn, sửa sái cho ai. Đi luôn, đi mãi hay trở về, là tự ý Tây-Phương, cũng tự ý Đông-Phương đã học đòi khoa-học, hướng ngoại như ngày nay. Làm thế nào tránh khỏi cảnh mâu-thuẫn hãi hùng mà một học-giả uyên-thâm Nhựt-Bản, ông Okakura Kakusu, hồi đầu thế kỷ 20 đã nói đến. Ông viết : « Mâu-thuẫn gì mà kỳ-quái lạ lùng ! mâu-thuẫn giữa ngôi bệnh-viện và quả ngư-lôi ! .... Tây-Phương đã dạy Đông-Phương chúng tôi khoa-học và pháp-thuật chiến-tranh và giết chóc. Đến bao giờ Đông-Phương chúng tôi sẽ dạy lại Tây-Phương cái nghệ-thuật tình thương và hòa-bình an-lạc ? » (Les Idéaux de l'Orient).

Mâu-thuẫn ghê tởm ấy, bao nhiêu người đã nhận thấy. Thánh Gandhi cũng đã có lần kêu gọi nhân-loại phải đổi hướng đi, ngài cho rằng Tây-Phương đã đi lộn đường ngay từ bước đầu. Mà có ai nghe ? Hiện giờ cảnh-tượng còn hãi-hùng gấp mấy. Viễn-ảnh lộ ra muôn triệu lần nguy khổn hơn cho nhân-loại, do đà « *tiến* » của khoa-học, của lý-luận, của tri-thức, của cơn cuồng loạn trí óc của con người chỉ muốn biết thêm, chinh-phục thêm mãi, chinh-phục vũ-trụ, chinh-phục tất cả mà quên tự hỏi chinh-phục để làm gì. Hiện giờ con người đang đua nhau gởi lên nguyệt-cầu rồi đây gởi lên các hành-tinh khác những máy móc, chuẩn bị cho con người lên trên ấy. Giả như trên ấy có thứ người khôn ngoan hơn, họ sẽ không phân-biệt

được máy với người từ địa-cầu bay sang bởi vì người và máy như nhau, nghĩa là vô-tri cả. Mỉa-mai thay ! Bước đầu là hướng ngoại và dục-tri, kế là cầu-tri để đắc sở-tri, rồi bất-tri và rốt cuộc trở thành vô-tri.

Đứa con hoang đã bỏ nhà ra đi, quãng đường xa cách ngày càng xa nhà nó, nó say đắm trong cảnh ngoài mênh mông nó muốn thấy đến đỗi hai con mắt nó đã mù. Tiếng mẹ nó kêu trở về, nó còn nghe không ? Trở về để ban cho nó một con mắt thứ ba lành mạnh hơn để nó thấy rõ trở lại. Ngày hãi hùng là cái ngày nó đâm đầu xuống vực sâu, lôi kéo theo cả giống nòi của nó xuống theo vì giống nòi của nó, cả bên nội lẫn bên ngoại của nó cũng đã tật nguyền như nó rồi ! Đức Giáo-Hoàng Phao-lô đệ lục đã thấy cái viễn-ảnh khủng-khiếp nầy ; Ngài đã thống-thiết kêu gọi ai kia hãy dừng bước trên đường tự sát, bằng những lời cảnh-cáo nghiêm-trọng. Ai nghe ? vì đã tật nguyền hết rồi.

Vũ-trụ vô-kỷ, vạn-vật vô-tâm sừng-sựng dựng đó làm bối-cảnh có tấn kịch bi hay hài của nhân-loại đang diễn. Cũng vì cái trò hề tri và thức giả-tạo, tri thức hướng sai chiều, không có gì chế ngự, không có gì dẫn lối, mới ra đến nỗi !

Tề-Thiên (ngang trời) là cốt khỉ, là trí khôn con người, là phóng-tứ, phóng-nhiệm, là nhảy nhót, là lý-luận, là tò-mò muốn biết, mà không biết, biết để làm gì, biết có hại đến tánh mạng cũng muốn biết, như cuồng như loạn... Bác-giái là xác thịt chỉ biết thỏa-mãn xác thịt, Sa-Tăng là thú-tánh hồi tiền căn còn đọng trong đáy lòng con người, cả hai chỉ biết đưa lưng ra chịu sự chi-phối nguy hại của con khỉ. Nhưng cũng may là có một phép mầu ở đâu đó dùng Ngũ-Hành-Sơn kềm-hãm, chế-ngự con khỉ để dắt cả đoàn đi trên con đường về bến đúng ở cuối cùng.

Đông-phương có thể nào đóng vai trò phép mầu và Ngũ-Hành-Sơn đó không ?

Cho được vậy, Đông-phương cần trở về học hỏi để tự biết rõ mình trước đã, chớ dừng mặc cảm tự-ti cho rằng mình sút kém, để bị Tây-phương hóa mà không hay rồi cùng Tây-phương rủ nhau đi lạc.

Điều cần thiết nữa là Tây-phương phải tự biết mình là sao trước đã, nhiên-hậu mới tìm biết thật sự Đông-phương thật sự, chớ không phải thứ Đông-phương giả-tạo do Tây-phương trục lợi tạo ra. Chớ đừng có mặc-cảm tự-tôn cho rằng mình xứng danh lãnh đạo. Tây-phương cần phải nghiêm-cẩn quan-niệm rằng sự tìm hiểu thấu đáo Đông-phương là điều-kiện tất-yếu và túc-mẫn để cùng tồn, chớ không phải một món « *xa-xỉ* » văn-chương nghệ-thuật để giỡn trí lúc rỗi nhàn, hay như một đề-tài xứ lạ để mặc tình vẽ rắn vẽ rồng, giống thứ sách vở hoặc tiểu-thuyết rẻ tiền đã đề-cập trong bài nầy. Tây-phương hãy về sống với Đông-phương đi, chừng đó Tây-phương mới giật mình thấy rằng mình chưa biết Đông-phương tí nào hết.

Thật vậy, khi hai bên Đông và Tây nhận-thức rõ rằng bên nầy không thế nào hiểu thấu đáo, trọn vẹn bên kia như mỗi bên đã tưởng như vậy, đó là bắt đầu hiểu rồi, hiểu thực-trạng của sự-thể ở bên trong, ngõ hầu cùng sống với nhau là điều không tránh được, sống bằng cách đi vào con đường mới mà cả hai bên, với bản-năng riêng tư của mình, cùng vạch chung mà đi trở về. Thay vì hai bên lừa đảo, gạt gẫm nhau, đồng thời mình tự phỉnh mình rằng đã hiểu lẫn nhau rồi, tệ hại hơn nữa là một bên, bằng mọi phương tiện cưỡng ép bên kia chấp nhận giả tạo lý-luận và tư-tưởng của mình, còn một bên thì tự-ti, để cho bên kia suy-luận và tư-tưởng thay thế cho mình để rồi cùng nhau đề-huề dắt vào con đường tự sát chung.

Cố giáo-sư Marcel Mauss, hồi còn sanh tiền dạy ở Collège de France và trường Cao-Học Ba lê, một hôm, nhân một bài giảng về nhân-chủng-học có nói một câu làm cho nhiều người suy nghĩ. Ông nói : « Thực ra, Tây-phương đã biết gì về Đông-phương ? Một con số không, hai con số

không, ba con số không. Về vấn đề nầy, người Tây-phương cơ-hồ như còn mò trong đêm tối, dẫu rằng trong vùng đất vừa mênh mông vừa cũ kỹ nầy, ai cũng đoán chắc hiện tàng-trữ bao nhiêu bảo vật, một kho tàng vô-tận về tiềm-năng vĩ-đại, rộng bao nhiêu thì sâu cũng bấy nhiêu, khả-dĩ một ngày nào đây sẽ làm xoay chiều đổi hướng cả hệ-thống tri và hành của nhân-loại. Biết đâu, đó sẽ là lối thoát (1934).

Kẻ viết bài nầy muốn mượn câu nói trên để kết luận mấy trang « vá-quàng » của bài và thiết tha nhắn nhủ thế hệ trí-thức trẻ đang lên ở xứ mình, hay nói rộng hơn, ở Đông-Phương, hãy tin tưởng ở một ngày mai của Đông-Phương đầy độc-đáo, đầy hiệu-năng và cũng vòng tay van xin các nhà văn sơ-đẳng ngoại-quốc, nhứt là hàng tiểu-thuyết-gia chuyên làm « văn-chương ghé bến » hay « văn-chương cỗng xe lửa », đừng lấy cái lưng của dân-tộc chúng tôi, của văn-minh chúng tôi, làm bàn đạp để trèo lên sự-nghiệp bạc tiền hay văn-nghiệp giả tạo, nhứt thời, hoặc để phục-vụ xấu xa những mục-tiêu xấu xa của các ông. Cũng van xin người mình hãy tỉnh-ngộ, hãy trở lại tìm biết rõ mình như thế nào để khỏi vô tình nhìn nhận hay phụ họa theo người ngoài đã hiểu sai mình,rồi cũng vô tình trở lại phê-phán, khen hay chê, chắc chê nhiều hơn khen,phê-phán bừa bãi và vô ý-thức cái gì thực là của mình mà mình đành không chịu biết. Bởi vì người cố tình bao giờ cũng nhồi cho ta theo cùng một chiều hướng tư-tưởng như họ bằng cách thường nhựt làm ta không còn phương-tiện và điểm-tựa tri và thức để hiểu ngoài cách hiểu của họ.

Ta hãy tin rằng số chim họa-mi biết nói tiếng người đã quá là ít rồi mà ngày lại càng ít thêm, để mai nầy cùng với vô số họa mi khác hòa minh cùng một giọng của giống nòi, lập đàn bay về tổ gốc là Đông-Phương.

HỒ ĐẮC THĂNG

(Bài nầy viết vào mùa đông Đinh-Mùi nhưng bị gián-đoạn, muộn màn nay mới được ra).

Nếu yêu nước thực sự...

● **Bài của AN CƯ**

Chúng ta nói nhiều rồi, rất nhiều rồi... trên đầu môi chót lưỡi... đến cuộc chiến Việt Nam *đã kéo dài non một phần tư thế kỷ* : Càng ngày, nó càng dìm sâu nhân dân Việt Nam trong nghèo nàn, trong túng quẫn, trong ăn xin, trong tàn phế, trong chết chóc, trong ly tán gia đình, trong suy đồi phong tục, trong kiệt quệ quốc gia, trong điêu tàn đất nước...

Đã đến lúc chúng ta, mỗi người Việt Nam chúng ta, phải tập trung, phải thu góp can đảm lại nhìn thẳng vào thực tế : Từ Nguyễn văn Thinh đến Ngô đình Diệm, thời gian dài đăng đẳng 18 năm ròng, các nhà lãnh đạo quốc gia đã can tâm vì danh vì lợi tư riêng làm điều trái với lương tâm : *Bán nước hại dân.*

Bọn người đó coi quân xâm lược Pháp là đồng minh, là cứu tinh của dân tộc, trái lại coi « *nhân dân Việt Nam* » là thù địch, là quân xâm lăng. Trời đất ơi ! Trớ trêu thật ! Bọn người đó đôi khi muốn mị dân, *để cho báo chí được thong thả* nói đến họ trong những vấn đề không quan trọng, hơn nữa, nói đến tổ tiên của họ cũng được, miễn là không đả động tới quân xâm lược Pháp.

Kết quả, hay nói đúng hơn, hậu quả ra sao ? Chúng ta thảy đều thấy rõ : *Lịch sử của dân tộc Việt Nam là một chuỗi dài tranh đấu chống ngoại xâm và chống Việt gian.* Dân tộc Việt Nam đã chứng minh bằng quá khứ anh hùng của mình là *luôn luôn sẵn sàng chấp nhận những hy sinh*

tột độ cho sự sống còn của giống nòi, của quốc gia, hy sinh sinh mạng của mình, hy sinh sự nghiệp của mình, hy sinh cả gia đình của mình. Lòng hy sinh của nhân dân Việt Nam, tinh thần chiến đấu của nhân dân Việt Nam đã, đang và còn làm cho cả thế giới cuối đầu khen ngợi và khâm phục. Số phận của bọn người làm tay sai cho giặc xâm lược... như thế nào ? Chết một cách thê thảm và nhục nhã thì có những người như Nguyễn văn Thinh, Ngô đình Diệm... Sống mà phải trốn sang ngoại quốc và để tiếng xấu muôn đời, lại có những kẻ như Bảo Đại, Trần văn Hữu, Nguyễn văn Tâm.,. Gẫm cho kỹ : *Làm quốc trưởng mà ích gì, làm thủ tướng mà ích gì trong những trường hợp tương tự ?* Đó chẳng qua chỉ là bả danh lợi nhứt thời ! Có hại cho quốc gia dân tộc ! Có hại cho bản thân phải nhơ nhuốc và phải trả một giá rất đắt ! Có hại cho con cháu ngàn về đời sau mang tiếng xấu tiếng nhục thuộc một dòng họ phản bội quốc gia, phản bội dân tộc !

Hồi đương thời, bọn Nguyễn văn Thinh, Trần văn Hữu, Nguyễn văn Tâm, Ngô đình Diệm..... đã gào thét, hùng hổ, hăm he, bắt bớ, giam cầm, lưu đày, giết hại những người yêu nước và nhân dân như thế nào, hẳn mỗi người chúng ta còn nhớ ràng ràng, nhưng bọn phản quốc đó, ngày nay thì...

« *Nhân dân Việt nam* » có bao giờ thua, có bao giờ chết hết..... Nhân lực và tinh thần còn hoài, không bao giờ dứt. Hàng đầu ngã gục, hàng sau tiến lên, hàng đợt hàng đợt xung phong như sóng dữ như thác lũ, không có gì ngăn nổi, không có gì chống nổi. Tinh thần và lực lượng của « *nhân dân Việt nam* » càng lâu dài, càng mạnh mẽ, càng mãnh liệt, càng vững chắc.

★

Từ năm 1945 trở đi, người ta đã dùng một ngàn lẻ một cách thức kềm kẹp « *nhân dân Việt nam* », nào bắt bớ tra khảo một cách dã man nhứt, nào giam cầm, nào lưu đày,

nào xử chém, nào xử bắn..... Nhơn đây, chúng ta thử đọc một vài câu thơ trong tập thơ « Lao Trung Lãnh Vận » của ông Trần văn Hương :

— *Nầy anh, nầy cụ, nầy là chú,*
Lóc cóc vào đây ngồi một lũ.
. . . . . .
. . . . . .
Thân nầy dầu vương chốn lao lung
Nỗi ấy vẫn ghi trong phế phủ.
. . . . . .

(Bài thứ nhứt)

— *Ngồi rủ gãi háng : dái tăn tăn*
Làm sang phe phẩy tay còn quạt
Đi tắm trăn trường mồng thiếu chăn
. . . . . .

(Bài thứ hai)

— *Ai bảo trong lao khổ*
Trong lao sướng thấy mồ
. . . . . .
Các anh còn ở ngoài
Đợi quái gì chưa vô ?

(Bài thứ ba)

« *Nhân dân Việt Nam* » trong số có kẻ viết bài này thuộc đàn hậu bối của ông đang chống mắt nhìn : *Coi ông Trần văn Hương nuôi dưỡng cái tinh thần, cái sĩ khí, « tấm lòng vị quốc vong thân » của ông đến mức độ nào, đến ngày ông trăm tuổi qui thiên hay là đến cuối quãng đường đời, ông gãy gánh « lòng son dạ sắt » đối với quốc gia dân tộc.*

« *Nhân dân Việt Nam* » chờ đợi để ngưỡng mộ hoan nghinh ông ngàn đời hoặc để nguyền rủa ông muôn năm

mãi mãi. Một trong hai điều đó thuộc quyền tự chủ của ông, không thể nào đổ trút cho một ai. Chúng tôi xin trình nơi đây tấm lòng chân thành và kính cẩn với ông.

Cũng từ năm 1945 trở đi, ngoại bang thẳng tay trút trên đầu trên cổ « *nhân dân Việt Nam* » hàng triệu tấn đạn, hàng triệu tấn bom với hy vọng bức bách « *nhân dân Việt Nam* » đầu hàng quì gối tiếp nhận *một hình thức nô lệ mới*. Từ bấy đến nay, « *nhân dân Việt Nam* » đã và đang bày tỏ lòng cương quyết và ý chí liều chết để bảo vệ non sông đất nước của mình, để bảo vệ quyền tự chủ độc lập của mình, để bảo vệ quyền sống và quyền làm người tự do của mình.

Dục vọng của ngoại bang nhứt định chỉ là một ảo tưởng, ngàn muôn năm nữa vẫn không bao giờ đạt được.

Nhứt định người ta không bao giờ giải quyết được chiến tranh Việt Nam bằng còng tay, bằng xiềng xích, bằng khám đường, bằng vũ khí tối tân và ác liệt, bằng thủ đoạn và mưu mô chính trị bất chánh. Trong hai mươi ba năm nay, nếu những thứ đó hữu hiệu, thì người ta đã thành công lâu rồi, chớ không chờ tới hôm nay, tháng này, năm này. Nếu chúng ta tiếp tục đi trên con đường « *đã đi từ hai mươi ba năm nay* », thì chúng ta chỉ làm cho dân tộc Việt Nam tiếp tục chết chóc, tiếp tục đổ máu mà thôi. Liệu chúng ta có đủ *một thứ can đảm tàn nhẫn* để nhận lấy trách nhiệm đó trước lịch sử và trước dân tộc không?

Thiết tưởng chỉ có một cách duy nhứt, một con đường duy nhứt để chấm dứt chiến tranh Việt Nam là làm thỏa mãn nguyện vọng của « *nhân dân Việt Nam* » : Đó là *có chủ quyền quốc gia thực sự* nghĩa là *độc lập, dân chủ, hòa bình* và *có một xã hội công bằng hơn*, nghĩa là về phương diện vật chất và tinh thần, tổ chức thế nào cho sự làm việc và sự hưởng lợi phân chia đồng đều. Ngày nay chúng ta thấy gì ? Có những người dùng số vốn sẵn có cọng với những thủ đoạn bất chánh làm giàu trên xương máu và

trên đầu trên cổ của cả một dân tộc, còn quảng đại « *nhân dân Việt Nam* » làm lụng đầu tắt mặt tối, thì lại phải đong gạo từng ngày từng bữa.

Tất cả người Việt Nam có ước vọng khao khát hòa bình, trông đợi **những người Việt Nam đang lâm chiến với nhau trên mảnh đất miền Nam Việt Nam này** « *đều chỉ lấy sự sống còn của dân tộc làm trọng, dẹp hết những tị hiềm cá nhân nhỏ nhen, ngồi lại với nhau để thỏa thuận chấm dứt chiến tranh, nghĩ đến sự kiến thiết lại quốc gia, xây dựng sự hùng cường thịnh vượng của dân tộc Việt Nam* ».

AN CƯ

Những mối thao thức thời đại

Lá thơ Washington

Bài của LÊ DUY-TÂM

Giòng sông Potomac chảy ngang Washington sáng nay im-lặng hơn thường-lệ. Lớp nước trên mặt sông đã đông lại thành nước đá trong cái lạnh 10· dưới số không. Không một bóng người qua lại trên các đường phố giờ nầy còn ngáy-ngủ, vì chín giờ rưỡi sáng một ngày chúa-nhựt thực ra còn quá sớm đối với dân-chúng ở đây. Thành-phố vắng tanh như sáng sớm mùng một Tết bên nhà, trừ một vài chiếc xe thỉnh-thoảng lao mình vun-vút chạy đi như để tránh cái lạnh và gió cắt da. Mặt trời đã lên cao nhưng vẫn không hạ thấp nhiệt-độ được bao nhiêu, và mỗi lần gió thổi dường như có một bàn tay khổng-lồ nào đập mạnh vào da mặt tê-buốt. Tôi bó mình trong ba lần áo nhanh chân đi trong sự nghiệt-ngã của thiên-nhiên, nhìn quanh-quất để chỉ thấy mình trơ-vơ giữa cái lạnh bao-dung vũ-trụ. Những chiếc-xe Huê-Kỳ to lớn kia thỉnh-thoảng chạy

kỳ-thị về nhà ở — thì dân da trắng lẵng-lặng rút đi chỗ khác, vì luật không buộc ai phải có một người láng-giềng da đen. Và cứ thế, lần-lần trung-tâm đô-thị càng tràn-ngập dân da đen và vùng ngoại-ô, với những khu thương-mại địa-phương và phương-tiện vận-chuyển dễ-dàng, dường như chỉ dành cho người da trắng. Tình-trạng nầy đã khiến cho một số vấn-đề xã-hội khác trầm-trọng hơn. Sự tập-trung của một số đông người da đen giữa đô-thị sung-túc càng làm cho cái ý-thức về sự khổ-cực của họ càng sâu-sắc hơn, đau-nhức hơn, Đối với những người nghèo-khổ, cảnh-tượng lên xe xuống ngựa, mua sắm rộn-rịp, ăn uống thỏa-thuê, là một sự mỉa-mai cay đắng. Họ cảm thấy không tham-dự vào cái xã-hội phồn-thịnh đang sinh-hoạt trước mặt họ, họ cảm thấy mình là những người khách lạ đứng bên lề cuộc lễ để xem người khác hoan-lạc một cách thèm-thuồng. Họ là những con người bị lưu-đày ngay trên đất nước mà họ đã sanh ra và gọi là quê-hương. Trách-nhiệm công-dân của họ cũng ngang bằng như những công-dân may-mắn khác, nghĩa là vẫn phải làm tròn bổn-phận quân-dịch, vẫn phải trả thuế tùy theo lợi-tức, v.v... Nhưng họ không được hưởng kết-quả của sự thịnh-vượng chung. Có khi quyền công-dân của họ, vì dốt nát, sợ-hãi hay cầu-an, họ cũng không được hưởng nữa. Một trong những quyền căn-bản nầy là quyền bầu-cử. Một vài tiểu-bang miền Nam đã nghĩ ra cách tước-quyền đó của họ bằng cách biểu-quyết một đạo-luật bầu-cử đòi hỏi các công-dân muốn được bỏ-phiếu phải biết đọc. Những công-dân muốn ghi tên mình vào danh-sách cử-tri đều phải qua một kỳ thi đọc. Khi một người da đen đến ghi tên thì họ phải tỏ ra có đủ khả-năng văn-hóa cho viên-chức da trắng chấp-nhận mới được. Bằng « thi rớt » thì theo luật họ không được quyền bỏ phiếu, Như thế, những người da đen ở trong làng-mạc hẻo-lánh suốt đời không nuôi nổi thân mình thì có giáo-dục đâu để mà đủ điều-kiện bỏ phiếu ? Đó là không nói đến những hành-động cản-trở, hăm-dọa, hành-hung của dân da trắng để làm nản lòng những người

da đen có đủ học-thức muốn được xử-dụng quyền bầu-cử của mình. Những chánh-sách kỳ-thị đó của các tiểu-bang miền Nam đều bị chánh-phủ liên-bang bác-bỏ. Nhiều lần chánh-phủ ở Washington cũng như Tối-cao Pháp-viện đã dùng phương-tiện pháp-lý để bảo-đảm quyền công-dân cho mọi người dân không phân-biệt màu da. Tuy nhiên luật-pháp của chánh-phủ và án-lệ của Tối-cao Pháp-viện không thay đổi được một thái-độ và một nếp sống. Thái-độ đó cho là dân da đen phải đen vì bị Chúa phạt. Nếp sống đó thiết-yếu không thể chấp-nhận sự sống chung với một sắc dân đen dúa như thế. Ngoài ra, những cảm-xúc riêng của con người cũng đáng kể nữa. Đại để người ta nói phần đông dân da đen lười biếng, ít chịu làm việc, ở nơi nào thì phá nơi nấy thành ra xóm tồi-tàn, có khuynh-hướng phạm-pháp và nói chung, không có cái năng-khiếu và thông-minh của người da trắng. Dĩ-nhiên cũng có những người da trắng hiểu biết thấy dân da đen là nạn-nhân của thành-kiến, bất-công và kỳ-thị. Nghe tiếng nói của lương-tâm, họ đã ủng-hộ những phong-trào da đen tranh-thủ quyền công-dân, sự tranh-đấu khổ-cực nầy đã đưa lại một phần kết-quả, khi Quốc-Hội cũng như Chánh-phủ và Tối-cao Pháp-viện đều cố-gắng xóa đi bất-công và kỳ-thị để nâng cao người da đen và tạo cơ-hội cho họ bước vào trào-lưu tiến-hóa chung của xã-hội. Nhưng thời-đại cách-mạng (révolution) đã qua rồi ở đất nầy, và người ta chỉ còn tin-tưởng ở một sự tiệm-tiến (évolution) thôi. Trong lúc đó thì những vấn-đề xã-hội hiện-hữu lại đẻ ra những vấn đề khác.

Sự phạm-pháp ở đô-thị là một chứng bịnh không phương-thức nào trị được. Ngay tại thủ-đô Washington, một ngân-hàng gần sở Công-an Mỹ F.B.I. bị đánh cướp. Một cô gái người Venezuela đi học về buổi tối bị xé quần áo giữa cái lạnh một độ dưới số không, hãm-hiếp và cướp mất 28 Mỹ-kim. Một tiệm kim hoàn ở ngay chỗ thị-tứ bị hai tên cầm súng lục vào uy-hiếp chủ tiệm cướp một số nữ-trang, một trong hai tên bị chủ tiệm bắn chết khi quay ra

tẩu-thoát. Những trường-hợp cướp-bóc, hãm-hiếp, cướp xe, sát nhân xảy ra hầu như hằng ngày. Lực-lượng giữ an-ninh và trật-tự công-cộng vẫn đề-cao cảnh-giác nhưng vẫn không ngăn được sự phạm-pháp xảy ra. Ban đêm người da trắng có đi đâu phải lái xe ngang khu phố da đen thì quay cửa kiếng lên chạy thật mau vì sợ bị liệng đá hoặc hành-hung. Họ không hề dám đi bộ lảng-vảng gần khu da đen và cũng không dám đi một mình bất cứ ở đâu trừ ngoài khu phố thương-mại và một vài đường có nhiều lưu-thông. Người ta tự hỏi tại sao một xã-hội văn-minh và hùng-cường vào bực nhứt lại có những nứt-rạn trầm-trọng như vậy. Có phải vì nền dân-chủ nầy vẫn chưa bảo-đảm được quyền công-dân cho mọi người ? Có phải vì xã-hội tôn-trọng luật-pháp nầy chưa tạo được một ý-thức cảnh-giác cao-độ để mọi công-dân đều tin-tưởng, bảo-vệ luật-pháp và tránh bất-công ? Có phải vì cơ-cấu kinh-tế nầy chưa tạo đủ điều-kiện để mọi người cùng hưởng kết-quả của sự thịnh-vượng chung ? Có phải vì ý-thức của một số dân còn chưa đủ sáng-suốt để đánh tan thành kiến đối với một số dân khác? Hay có phải vì xã-hội nầy đã tạo nên một nếp sống, một quan-điểm về vũ-trụ và nhân-sinh trong đó con người đặt sự theo đuổi hạnh-phúc cá-nhân lên trên những nhận-định khác và quên mất những tương-quan của mình với toàn-thể nhân-loại ? Câu trả lời không đơn-giản, cũng như vấn-đề không thiếu phần phức-tạp. Rồi tôi lại nghĩ đến nhiều khía-cạnh khác nữa, những khía-cạnh lạ-lùng đối với xã-hội mình bên nhà.

Nền nông-nghiệp ở xứ nầy đã tiến tới một khả-năng sản-xuất kinh-hồn. Ngày nay gần 70% dân-số sống ở thành-thị và một tỷ-lệ không quá 20% dân số sống ở thôn-quê chuyên về sản-xuất nông-nghiệp. Nhờ kỹ-thuật và cơ-khí, mức sản-xuất nông-phẩm vượt quá nhu-cầu tiêu-thụ trong nước đến đỗi những vùng nông-nghiệp đã phải làm áp-lực — qua trung-gian những nghị-sĩ Quốc-hội của họ — với chánh-phủ để họ đừng phải sạt-nghiệp vì không tìm được thị-trường cho nông-phẩm của họ. Vì thế chánh-phủ

phải mua lại số nông-phẩm thặng-dư đó, nhứt là lúa mì, rồi vì không có chỗ chứa, lại phải chi-phí hằng trăm triệu Mỹ-kim mỗi năm để mướn vựa lúa tư-nhân. Dĩ-nhiên nông-gia cứ hằng-năm tiếp-tục sản-xuất khiến chánh-phủ lo-ngại thặng-dư nữa. Để giải-quyết tình-trạng nầy chánh-phủ phải trợ giúp tài-chánh cho nông-gia để họ sản-xuất ít đi hoặc ngưng sản-xuất trong một thời-gian. Thật là mỉa-mai. Trong lúc dân Ấn-Độ đang bị nạn đói đe-dọa vì sản-xuất không đủ cho nhu-cầu thì ở đây người ta phải trợ-cấp cho nông-gia đừng sản-xuất quá nhiều. Vừa rồi chánh-phủ Ấn có xin Mỹ viện-trợ cho một số lúa mì để giúp tránh nạn đói, thì chánh-phủ Mỹ chần-chờ, do-dự, nại ra lý-do số dự-trữ lúa mì của mình gần hết và kêu-rêu tại sao các nước tiền-tiến khác không giúp Ấn-Độ. Giữa lúc nhiều sinh-mạng đang đói, người ta có can-đảm đem thủ-đoạn chính-trị bắt chẹt người sắp chết. Dĩ nhiên rồi Mỹ vẫn viện-trợ số lúa mì cần-thiết, nhưng thế-giới nghĩ sao về hành-động áp-lực đó ?

Trong lãnh-vực kỹ-nghệ và thương-mại, người ta chú-ý đến sự sản-xuất vô song các món hàng nhắm vào người tiêu-thụ. Hằng năm những kiểu xe hơi mới ra đời, khác hơn kiểu năm trước. Hãy cố-gắng chế-tạo những chiếc xe mạnh hơn, tiện-nghi hơn, an-toàn hơn, có hình-dáng đẹp hơn. Máy vô-tuyến truyền-hình hay tủ lạnh cũng thế. Máy vô-tuyến truyền-hình phải có hình-ảnh rõ-rệt hơn và tủ lạnh phải chứa đựng nhiều đồ ăn hơn. Giường ngủ hay ghế thì phải có nệm êm hơn, bàn phải chắc hơn, đẹp hơn và v.v... Mọi thứ tiêu-thụ đều phải tốt hơn và đẹp hơn kiểu năm rồi, vì người mua ở đây thích những gì mới lạ hơn. Để thu-hút khách hàng, không thiếu gì kỹ-thuật được áp-dụng. Mạnh nhứt và có lẽ hiệu-quả nhứt là kỹ-thuật quảng-cáo. Hàng triệu Mỹ-kim tung ra để giới-thiệu hàng cho người mua. Quảng-cáo đã trở-thành một khoa-học thúc-đẩy và sửa đổi hành-vi con người rất hiệu-quả. Quảng-cáo mặc nhiều hình-thức, bao-vây người tiêu-thụ hằng ngày.

hằng giờ. Vặn máy vô-tuyến lên ; người ta nghe nào là ; « Hằng ngày ở tiệm Drug Fair quí vị mua hằng ngàn món đồ với giá hạ. Ngày nay khi đồng tiền hơi eo-hẹp quí vị thấy rằng mua đồ ở tiệm Drug Fair là một lối tiết-kiệm hiệu-nghiệm... Quí vị không thể mất tiền được, nhưng quí vị tiết-kiệm được ». hoặc là : « Phải mất bao lâu để rửa một chiếc xe hơi ? Hai phút thôi, nếu quí vị đem xe đến hãng rửa xe tự-động... ở số... đường... ». Mở máy vô-tuyến truyền-hình lên, người ta có thể thấy một anh chàng nhăn-nhó ho xù-xụ chạy lại tủ thuốc. Vợ anh nhanh-nhẩu đưa cho anh một thứ thuốc nước, bảo anh uống thử. Bất-đắc dĩ anh uống một muỗng và ngay khi đó mắt sáng lên anh ta hỏi : « Thuốc gì mà hay như thần vậy ? Vợ nói : Vicks Formula 44 đó ». Trên màn-ảnh hiện ra một lớp thuốc với cái tên thần-diệu đó và người ta nghe lời nầy : « Phải, khi quí vị ho quá nặng. chỉ có Vicks Formula 44 mới trị được thôi ». Trên báo-chí, người ta đọc : « Chính lý-do để cho quí vị mua hàng tại hãng Singer. Quí vị cứ đến hỏi thăm văn-phòng mua chịu của chúng tôi. Singer sẽ có đủ cách dàn-xếp cho vừa với túi tiền của quí vị. Luôn luôn giao hàng tận nhà không tốn sở-phí ». Vào cửa hàng, những tấm bảng lớn tuyên-bố bằng màu sặc-sỡ : « Bán giá hạ mỗi ngày ». « Mua một món hàng, rồi trả thêm một xu nữa, quí vị lấy hai món ». « Hạ giá còn 1/2 hay 1/3 ». Các loa phóng thanh trong cửa tiệm oang-oang : « Tiệm chúng tôi hân-hoan chào mừng quí khách, Hôm nay chúng tôi có bán hạ giá nhiều món hàng đặc-biệt. Quần dacron cho quí ông đủ cỡ đủ màu, ngày thường bán 4 đô la 97, hôm nay hạ giá còn 2 đô la 99 thôi. Cho quí bà, áo blouse bông màu rực-rỡ chưa từng thấy, ngày thường bán 4 đô la 88 bữa nay hạ giá còn 2 đô la 59 thôi ». Đại để giá tiền không bao giờ chẵn, ví-dụ một món hàng không bao giờ giá 16 đô la, mà chỉ 15 đô la 97 thôi. Ngoài ra, thẻ mua chịu cũng là một cách thức buôn-bán tiện-lợi. Có thẻ đó, khách chỉ vào cửa hàng mua xong ký tên vào giấy bán hàng rồi ra về không trả một xu nào hết. Đúng tháng khách sẽ nhận được

hóa-đơn đòi nợ và chính lúc này cái đau-khổ mới đến. Khách sẽ bàng-hoàng thấy mình mua quá nhiều mà không biết. Tuy-nhiên khách được quyền chọn lựa trong hai cách thế trả nợ : hoặc trả hết một lần, hoặc trả một phần và chịu lời 1,5% phần nợ còn lại. Giá cả thì nhứt-định, không có trả giá lôi-thôi. Nhưng không phải vì thế mà khách hàng không bao giờ mua mắc. Trái lại khách phải cẩn-thận, kiên-nhẫn đi nhiều tiệm coi món hàng mình muốn mua trước rồi xem chỗ nào rẻ nhứt hẳn mua. Vì giá cả các món hàng không đồng đều nhau tùy theo tiệm. Một máy chụp hình nhỏ hiệu Kodak Instamatic chẳng hạn, có chỗ bán 15 đô la 97, có chỗ bán 13 đô la 86, còn chỗ khác nữa chỉ bán có 12 đô la 86...

Trạng-thái thịnh-vượng nầy khiến tôi nghĩ đến sự hiện-diện của người Mỹ trên đất nước của chúng ta. Tại sao họ không ở lại xứ họ để hưởng sự thịnh-vượng đó mà qua xứ-sở của chúng ta để tốn hằng tỷ Mỹ-kim trong một cuộc chiến-tranh khốc-liệt ? Vì lý-do bảo-vệ tự-do ư ? Để bảo-vệ quyền-lợi dân-tộc tự-quyết của chúng ta ư ? Để ngăn chặn Cộng-sản ư ? Hay để duy-trì sự hiện-diện của họ với tư-cách là một cường-quốc Thái-Bình-Dương tại một vùng mà từ trước tới nay họ không hiểu rõ ? Để chứng-minh cho thế-giới biết rằng với tư-cách là cường-quốc số một họ không thể bại trận tại một nước kém mở-mang ? Để biểu-dương sự quyết-tâm chận đứng ảnh-hưởng của Trung-cộng ? Để duy-trì trạng-thái thịnh-vượng ở nước họ mà sự chấm-dứt chiến-tranh có thể gây xáo trộn vì nạn thất-nghiệp gia tăng, vì kỹ-nghệ chiến-tranh đình-trệ sản-xuất ? Dầu lý-do nào đi nữa, chiến-tranh vẫn hoành-hành trên giang-sơn chúng ta, cày nát làng mạc ta, đốt cháy trẻ con ta, hủy-diệt nền kinh-tế ta, phá vỡ giềng mối của xã-hội ta, đảo-lộn các giá-trị tinh-thần ta, làm tê-liệt khả-năng sáng tạo của ta, suy-yếu nền văn-hóa ta, phá-hoại phong-tục ta, khống-chế tinh-thần ta, tiêu-diệt ý-chí xây-dựng của ta và tước-đoạt nghị-lực của dân ta. Lương-tâm nhân-loại

đang xao-xuyến vì khói lửa, lòng người dân Việt quặn thắt vì binh-đao. Lịch-sử sẽ khóc cho sự điên rồ nầy của một phần nhân-loại. Máu và nước mắt đang chảy từng phút từng giây trên quê-hương chúng ta. Đổi lại chúng ta được gì ? làng mạc, hoa-mầu, và con người Việt-Nam bị tàn-phá. Để đổi lại chúng ta được gì ? Đồi núi, rừng cây, nhà cửa chúng ta bị thiêu-hủy. Để đổi lại chúng ta được gì ? Đời sống tinh-thần, sinh-hoạt văn-nghệ, hoạt-động trí-thức chúng ta bị chi-phối. Để đổi lại chúng ta được gì ? Hai mươi mấy năm khói lửa sẽ đưa dân-tộc ta về đâu ? Tiếng rít đinh tai của oanh-tạc-cơ, chiến-đấu-cơ phản-lực xé nát lòng người Việt-Nam, và chất nhầy na-pam bóp méo hình-thể con người Việt-Nam. Khả-năng của nhân-loại để tiêu-diệt nhân-loại đã được xử-dụng ở đất nước ta, chứng-nhận cho sự sa-đọa của tình-thương và sự đắc-thắng của hận-thù. Cái nguy-cơ của con người là đánh mất khả-năng chế-ngự bạo-lực khi con người nắm được uy-vũ trong tay. Một nguy-cơ khác là sự tự-đắc của con người khi đã nắm được chìa khóa mở nhiều sự huyền-nhiệm của thiên-nhiên. Sự tự-đắc đó là bức màn tối che trước cặp mắt của lý-trí khiến cho khả-năng biện-biệt của con người bị cùn-lụt và thành-kiến vươn lên ngự-trị. Khi tạo nên nhân-loại. Thượng-đế đã phú cho nó năng-khiếu phân-biệt được thiện ác và cho nó quyền tự-do chọn lựa giữa hai đường. Nhưng đã quá nhiều lần con người hoạt-động theo khuynh-hướng của con quái-vật trong lòng mình và bóp nghẹt thiên-thần trong đó. Cho nên con người đã đi từ bi-kịch nầy qua bi-kịch khác và sau mỗi bi-kịch lương-tâm con người vẫn không sáng-suốt hơn trước. Ngày nay bi-kịch đã đến cho dân-tộc ta, để thử-thách xem chúng ta có đủ nghị-lực và giá-trị nội-tại mà vượt qua cao-cả hơn trước không. Chúng ta đang dấn co với một nền kỹ-thuật cao-độ để lần đầu-tiên trong lịch-sử nhân-loại, hình-thành một lối đối-phó với những tương-quan giữa tiền-tiến và chậm-tiến. Trong lúc đó cuộc sống của dân-tộc hết sức khốn-cùng.

Librairie KHAI-TRI
62, Bd. Lê-Lợi, SAIGON

Nghèo đói và bịnh-tật là bạn đường chung thân của con người Việt-Nam. Một phần nhỏ của chi-phí về bom đạn rơi trên đầu dân-tộc ta có thể xử-dụng để nuôi ăn và chữa bịnh cho chúng ta được. Một phần khác có thể xây-cất trường học cho trẻ em chúng ta vào học, thay vì đưa thân-xác ra hứng chất na-pam ác-độc và bị tật-nguyền suốt đời. Một phần khác nữa có thể xây-dựng kỹ-nghệ để cung-ứng cho nhu-cầu dân-tộc, thay vì phải ngửa đầu hả miệng mong chờ giọt sữa cứu-trợ nhỏ vào. Năm 1968 là năm bầu-cử Tổng-Thống Mỹ, cho nên năm nay là một năm quyết-định. Con người Việt-Nam trước chiến-tranh tàn-phá làng mạc, họ sẽ hỏi những con người bên kia bờ Thái-Bình-Dương: « Các ông muốn gì ? » Xin Thượng-Đế giúp-đỡ và bảo-vệ dân-tộc chúng ta.

LÊ-DUY-TÂM

Xưởng Kỹ nghệ

VĨ ĐẠI

237/8, đường Lý Thành Nguyên (CHỢ-LỚN)

— Chuyên in trên thiết và làm hộp thiết.

— Các hộp thiết đựng nhớt đủ cỡ của hãng Shell và Esso đều do bổn xưởng làm.